

VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC CỦA CÔN ĐẢO TRONG CUỘC CẠNH TRANH ẢNH HƯỞNG GIỮA CÁC NƯỚC PHƯƠNG TÂY (XVII - XIX)

LƯU VĂN QUYẾT*
PHAN THỊ ANH THU**

Mang đặc điểm của một quần đảo bao gồm nhiều đảo nhỏ thuộc biển Đông, lại tách biệt với đất liền, Côn Đảo có một vị trí đặc biệt quan trọng về chính trị, quân sự và kinh tế không chỉ đối Việt Nam, mà còn đối với nhiều nước trong khu vực trong lịch sử và hiện tại. Do sự phong phú và đa dạng về tài nguyên thiên nhiên, lại nằm ở vị trí quan trọng trên các tuyến đường giao thương quốc tế, nên ngay từ thời kỳ trung đại, Côn Đảo không chỉ là địa bàn thuận lợi để xây dựng các trung tâm mậu dịch hoặc kho trung chuyển hàng hóa nối liền giữa phương Đông với phương Tây, mà còn giúp nối liền và rút ngắn hải trình đi đến các nước trong khu vực châu Á. Trong tầm nhìn chiến lược của các nước phương tây (từ thế kỷ XVII), Côn Đảo là điểm chốt quan trọng trong hoạt động thương mại, góp phần kiểm soát, khống chế con đường hàng hải từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương, đảm bảo độc quyền khai thác, tích lũy tư bản ở khu vực này. Do đó trong các thế kỷ XVII-XIX cả Anh và Pháp đã ra sức cạnh tranh nhằm độc chiếm Côn Đảo để hướng tới mục tiêu giành lợi

thế về kinh tế và chính trị trong chiến lược bành trướng phạm vi ảnh hưởng ra bên ngoài châu Âu. Thông qua việc luận giải cuộc cạnh tranh nhằm độc chiếm Côn Đảo của các nước phương Tây, bài viết nhằm mục đích làm rõ vị trí địa kinh tế và địa chính trị độc đáo của quần đảo này; qua đó, liên hệ với vai trò và vị trí của Côn Đảo trong chiến lược phát triển của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

1. Vị trí địa chiến lược của Côn Đảo - Nguyên nhân cạnh tranh ảnh hưởng của các nước phương Tây từ thế kỷ XVII

Trong lịch sử, tên gọi "Côn Đảo" được bắt nguồn từ chữ Mã Lai "Pulau Kundur" (tức "quần đảo trái bí"). Nơi này còn được người Pháp định danh là "Poulo Condor" và người Việt gọi là "Côn Lôn" (tức "đảo rắn" do có nhiều loại bò sát sinh sống tại đây). Côn Đảo ngày nay thuộc địa phận của tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Việt Nam), cách Thành phố Vũng Tàu 185km và cách Thành phố Hồ Chí Minh 230km (1). So với vùng biển Phú Quốc có đến 22 hòn đảo lớn nhỏ (trong đó đảo Phú Quốc lớn nhất với diện tích 567km²) (2) thì Côn Đảo chỉ bao gồm 16

* ** TS. Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh

đảo các loại, trong đó đảo lớn nhất là Côn Đảo chỉ vền vẹn 52km² (3). Dù nhỏ bé về diện tích nhưng Côn Đảo đã được xác định nằm ở vị trí tiên tiêu và đóng vai trò quan trọng như “phên giậu thiên nhiên” ở phía Đông Nam của Việt Nam.

Do án ngữ con đường hàng hải Á - Âu, nối liền giữa Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương nên từ rất sớm hòn đảo này đã được các đoàn du thám phương Tây biết đến. Năm 1292, nhà thám hiểm người Ý Marco Polo trên đường từ Trung Quốc trở về châu Âu đã đặt chân đến khu vực này và có những ghi chép đầu tiên khẳng định sự tồn tại của quần đảo như một “trạm dừng chân” trên tuyến đường từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây” (4). Nổi gót Marco Polo, nhà hàng hải người Bồ Đào Nha - Fernão Perès de Andrade đã tới Côn Đảo vào tháng 9-1516 và cho biết các thủy thủ Âu châu thường xuyên lui tới nơi này để lấy nước ngọt, tìm rùa biển và hái nho rừng. Từ giữa những năm 60 của thế kỷ XVI, đặc điểm địa lý tự nhiên của Côn Đảo được thi hào Luís Vaz de Camões ghi lại trong bản thảo cuốn sử thi bất hủ “Os Lusíadas” khi đoàn thám hiểm mang quốc tịch Bồ Đào Nha của ông ghé qua khu vực này (5). Tất cả những ghi chép của người phương Tây lúc bấy giờ từ lịch sử đến văn học đều thể hiện đặc điểm tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi của Côn Đảo. Vùng đất này, vì thế, đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của chính quyền các nước phương Tây với ý đồ chiếm hữu và xây dựng Côn Đảo trở thành một cứ điểm thương mại và quân sự - chính trị trọng yếu ngay từ thế kỷ XVII.

1.1. Vị trí địa - kinh tế của Côn Đảo

Trong lịch sử, Côn đảo đã được xem như “cửa ngõ thương mại” then chốt, địa bàn phù hợp bậc nhất để xây dựng các trung tâm mậu dịch hoặc kho trung chuyển hàng

hóa nối liền giữa phương Đông với phương Tây, nằm ngay trên hành trình từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương nên Côn Đảo sớm độc chiếm vị trí “giao lộ” trên tuyến đường hàng hải đi ra thế giới cũng như đi vào khu vực. Năm 1868, Véret - một nhân viên của Công ty Đông Ấn Pháp đã nhắc nhở Chính phủ nước này cần sớm chiếm đóng Côn Đảo để thiết lập các cơ sở thương điểm quốc tế bởi lẽ: Tàu bè từ Trung Quốc, Đàng Ngoài (6), Macao, Manille, Đàng Trong (7)... muốn buôn bán với Ấn Độ thì bắt buộc phải đến thật gần hòn đảo này; tàu của Anh và Hà Lan muốn đi đến biển Trung Hoa cũng phải ghé ngang qua đây cả đi lẫn về. Lối đi này thuận lợi y hệt eo biển Sonde và Malacca. Hơn nữa, Poulo Condoro (tức Côn Đảo) lại có cùng vĩ độ với miền Nam Bantam - nơi mà người Hà Lan từng xây dựng thương điểm của họ (8). Không chỉ chiếm ưu thế trong giao thương hàng hải quốc tế, vị trí của Côn Đảo còn giúp nối liền và rút ngắn hải trình đi đến các nước trong nội bộ khu vực châu Á, cụ thể từ hòn đảo này, các tàu buôn ngược lên phía Bắc sẽ đến được các nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan), còn xuôi về phương Nam thì thấy ngay các nước Đông Nam Á (Singapore, Indonesia, Malaysia, Thái Lan). Lúc bấy giờ, Côn Đảo vừa thuận lợi để người phương Tây xác lập quan hệ thương mại với nước láng giềng ở Đàng Trong, vừa lý tưởng để họ xây dựng các đồn lính với mục đích bảo vệ cơ sở buôn bán, kho hàng và bến tàu của mình (9).

Điều kiện tự nhiên lý tưởng của Côn Đảo không chỉ thể hiện qua yếu tố vị trí địa lý mà còn ở hình thái khí hậu đại dương với gió biển thổi mát quanh năm. Sự đan xen hài hòa giữa núi rừng với biển cả đã tạo ra hệ sinh thái xanh mát và bầu không khí trong lành trên đảo suốt bốn mùa. Theo

như mô tả của họa sĩ hải quân người Pháp Jean Paul Morel: Poulo Condoro (Côn Đảo) là hòn đảo thích hợp nhất cho việc lập một thương điểm do ở ngay tại cửa sông của Chân Lạp (10) với độ rộng chừng sáu dặm chu vi, có đến 3 bến cảng tốt, nhiều dòng suối với một con sông nhỏ, nơi đây sở hữu vùng cây cối đẹp nhất trên thế giới (11). Nhờ vào sự đa dạng của hệ thực vật rừng, Côn Đảo có khả năng cung cấp các loại cây thân gỗ kích thước lớn phục vụ cho nhu cầu sửa chữa tàu buôn của nước ngoài. Với lợi thế này, Côn Đảo trở thành nơi “nương náu” an toàn cho các đoàn thuyền từ châu Âu sang Trung Quốc. Các thủy thủ thậm chí còn có thể ở lại đây vào mùa đông để sửa sang đáy tàu tại cảng phía Bắc bằng các loại gỗ có sẵn phong phú vô cùng (12). Mọi tàu thuyền gặp nạn cũng đều được tiếp nhiên liệu, sửa chữa và dừng chân nơi đây (13). Trong thời gian nghỉ ngơi tại đảo để bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện, các thủy thủ dễ dàng tiếp cận với nguồn sản vật dồi dào của địa phương để làm thức ăn như: cua lông, đồi mồi, sò tai tượng, ốc xà cừ hoặc tôm hùm. Các loại đá quý dùng làm trang sức cũng xuất hiện khá nhiều trên đảo, nhiều tàu buôn đã đến đây thu lượm để đem bán tại các thương điểm của mình. Hơn thế nữa, từ Côn Đảo còn có thể dẫn vào mảnh đất Nam Bộ trù phú và vùng Đông Nam Á lục địa của các nước Campuchia, Thái Lan, Myanmar với vô vàn mỏ khoáng sản và hệ động vật, thực vật phong phú.

Do hội tụ quá nhiều lợi thế sẵn có về tự nhiên (vị trí địa lý, khí hậu, nguồn nước, rừng nhiệt đới, nguồn hải sản và đá quý), Côn Đảo sớm trở thành địa chỉ giao thương hàng hóa giữa thương nhân trong khu vực với các nước Trung Quốc, Đại Việt Philippines, Mã Lai, Thái Lan; đồng thời là nơi cung cấp các dịch vụ hàng hải cho

thương nhân phương Tây. Từ cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII, Công ty Đông Ấn của Anh và Công ty Đông Ấn của Pháp không ít lần cử người đến thăm dò tại Côn Đảo với ý định xây dựng hệ thống thương điểm riêng cho mình. Sự có mặt của hai nhân viên Véret (người Pháp) và Williams Dampier (người Anh) ở Côn Đảo lần lượt vào các năm 1686 và năm 1687 với mục đích khảo sát thực địa, vẽ bản đồ ở vịnh Tây - Nam trên đảo (14) đã cho thấy bước khởi động khá sớm của các nước phương Tây trong kế hoạch chiếm đóng khu vực trọng yếu này. Đây còn là bằng chứng lịch sử về cuộc cạnh tranh giữa hai thế lực Anh, Pháp trong chiến lược mở rộng phạm vi giao thương hàng hóa trên biển.

1.2. Vị trí địa - chính trị và quân sự của Côn Đảo

Không chỉ nắm giữ vai trò “cửa ngõ thương mại”, từ thời kỳ trung đại, Côn Đảo còn được biết đến như một “tiên tiêu quân sự” trọng yếu. Trong bối cảnh ngành hàng hải quốc tế còn nhiều hạn chế về phương tiện và chưa đủ năng lực dự báo thời tiết thì việc tìm ra một trạm dừng chân kín gió với địa hình đa dạng như Côn Đảo thực sự có ý nghĩa sống còn đối với các hạm đội quân sự của châu Âu trên đường sang châu Á. Yếu tố địa - chính trị độc đáo của hòn đảo này được thể hiện khá rõ ở vị trí tiên tiêu quân sự với hệ thống núi rừng đan xen và hoàn toàn khép kín. Dạng địa hình “có một không hai” này đóng vai trò chiến lược trong việc xây thành, đắp lũy và thiết lập các chướng ngại quân sự để chủ động tấn công hoặc chủ động phòng thủ một cách bất ngờ. Ngoài ra, sự đa dạng về địa hình còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các pháo đài, trạm gác, trạm quan sát, qua đó, hình thành hàng rào quân sự đa tầng, đa lớp ở cả trên bờ và dưới nước.

Với lợi thế là một quần đảo được tập hợp bởi nhiều đảo nhỏ, Côn Đảo khá giống với các cứ điểm quân sự nổi hẳn lên trên mặt nước, tạo thế liên hoàn trong việc bố trí hỏa lực. Bên cạnh đó, Côn Đảo cũng chỉ cách nơi xa nhất của đất liền chưa đến 100 hải lý nên vô cùng thuận tiện cho việc di chuyển và tập trung lực lượng quân đội khi cần thiết (15). Luận bàn về địa thế chính trị và quân sự đặc địa của Côn Đảo, nhà thám hiểm người Anh William Dampier khi đến đây vào năm 1687 đã nhận xét: Vị trí của hòn đảo rất thuận lợi để đến và đi từ Nhật Bản, Trung Quốc, Manila, Đàng Ngoài, Đàng Trong cũng như mọi vùng ở bờ biển cực Đông của lục địa Ấn Độ dù đi qua vịnh Malacca hay vịnh Sunda giữa Sumatra và Java (16). Trong khi đó, ở phạm vi châu Á, các chuyến hải trình từ Ấn Độ sang Trung Quốc đều phải đi qua Côn Đảo và đây là chính cửa ngõ để vào Chân Lạp, Chăm-pa, Đại Việt (17). Những lợi thế nói trên cho thấy một khi thiết lập được căn cứ quân sự tại Côn Đảo thì lực lượng hải quân các nước vừa có khả năng khống chế tuyến đường biển huyết mạch, vừa làm chủ được vùng cửa ngõ thâm nhập vào khu vực Đông Nam Á. Do ưu điểm quá lớn này nên từ cuối thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, các nước phương Tây đã xác định Côn Đảo là vị trí lý tưởng nhất để làm bàn đạp tiến hành xâm lược các quốc gia châu Á.

Khi so sánh với các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa cùng vào thế kỷ XVII thì Côn Đảo vẫn nổi bật hơn hẳn nhờ vào hai lợi thế lớn: *Một là*, ít đá ngầm và ít các bãi cát mịn trải dài gây đắm tàu; *Hai là*, khí hậu đại dương ôn hòa và mát mẻ, ít gây bão tố. Trái ngược với sự êm ả và bình yên của Côn Đảo, học giả Dubois de Jancigny trong cuốn *"Thế giới, lịch sử và mô tả về tất cả các dân tộc, tôn giáo, phong tục, tập*

quán: Nhật Bản, Đông Dương" (1850) từng mô tả quần đảo Hoàng Sa là: Một chốn mê cung chằng chịt những đảo nhỏ, đá ngầm và bãi cát khủng khiếp đến hàng trăm dặm làm cho những người đi biển kinh hãi. Đây là một trong những địa điểm hoang vu, cần cỗi nhất địa cầu (18). Hơn nữa, vào gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc, các thương thuyền nước ngoài đi dọc theo bờ biển Hoàng Sa cũng thường bị mắc cạn ở đây. Trong lịch sử, đội quân viễn chinh Pháp và Tây Ban Nha chở 1.100 người trên tàu Europe từ Đà Nẵng trở về Manila từng bị đắm ở rạn san hô gần đảo Tri Tôn, thuộc quần đảo Hoàng Sa (1860) (19). Có thể thấy, dù đều là những vùng đảo trù phú, có suối nước ngọt và nguồn hải sản đa dạng nhưng địa thế an toàn và khí hậu ổn định của Côn Đảo đã làm cho vùng đất này trở thành "miền mồi béo bở" để hai nước Anh, Pháp thể hiện ý đồ thâm tóm ngay từ thế kỷ XVII (20). Chính ưu thế vượt trội của địa hình Côn Đảo trong tương quan so sánh với các đảo và quần đảo khác đã trở thành lý do để các nước phương Tây ưu tiên lựa chọn vùng đất này phục vụ cho lợi ích quốc gia ở châu Á.

2. Cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước phương Tây tại Côn Đảo

Từ cuối thế kỷ XVII, cả Anh và Pháp đều lần lượt rời bỏ Đàng Ngoài do mối bận tâm mới về một địa danh nổi tiếng ở Đàng Trong có tên là *"Poulo Condore"* (tức Côn Đảo). Động thái này của cả hai quốc gia phương Tây xuất phát từ nhu cầu xây dựng thương điếm và thiết lập căn cứ quân sự tại những địa bàn then chốt nhằm giành lợi thế về kinh tế và chính trị trong chiến lược bành trướng phạm vi ảnh hưởng ra bên ngoài châu Âu.

2.1. Nhu cầu thiết lập thương điểm và căn cứ quân sự của các nước phương Tây tại Côn Đảo

Đối với nước Anh

Trong lĩnh vực thương mại, từ những năm đầu thế kỷ XVIII, người Anh đã áp ủ dự định xây dựng Côn Đảo trở thành một trạm trung chuyển hàng hóa giữa Surat và Trung Hoa. Kế hoạch nói trên đã được viết trong lá thư của Catchpoole - Chủ tịch thương điểm Chusan (Trung Hoa) gửi Hội đồng quản trị của Công ty Đông Ấn Anh, trong đó khẳng định: Hòn đảo này (Côn Đảo) sẽ sớm trở thành một trạm giao thương với Trung Hoa, từ đây tàu thuyền có thể tỏa đi khắp các thương cảng của vương quốc này để buôn bán các sản phẩm của châu Âu và để thu gom hàng hóa bản địa (21). Các giấy tờ khác của Công ty Đông Ấn Anh, đặc biệt là văn bản của Hội đồng Giám đốc Công ty gửi cho Chủ tịch và các giám đốc kinh doanh ở Trung Hoa vào ngày 25-11-1701 và 24-12-1701 cũng đều thống nhất quan điểm: Thật xác đáng khi thiết lập một thương điểm ở Côn Đảo và dựng lên một đồn lũy để bảo vệ cho thương điểm này (22).

Trong suốt gần 4 thập niên sau đó (1744-1783), nước Anh thường xuyên rơi vào tình cảnh phải đối đầu với Pháp. Sự cạnh tranh này đã chuyển từ lĩnh vực tôn giáo sang lĩnh vực kinh tế và thương mại, theo đó cả hai quốc gia đều ra sức tranh giành quyền thống trị các thuộc địa ở châu Mỹ lẫn châu Á để mở rộng phạm vi khai thác và trao đổi hàng hóa. Trong cuộc đua này, nước Anh rất cần xây dựng một hệ thống thương điểm quy mô lớn ở nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi và phải gần khu vực Đông Á để dễ dàng tiếp cận Trung Quốc. Với những tiêu chuẩn khắt khe nói trên thì chỉ Côn Đảo mới có thể đáp ứng được. Từ sự cạnh tranh chiến lược với Pháp

về giao thương đường biển, Công ty Đông Ấn Anh đã coi việc chiếm đóng Côn Đảo là ưu tiên hàng đầu bởi lẽ hòn đảo này chính là “con át chủ bài” giúp Anh đi trước một bước trong việc làm chủ thị trường thương mại đầy tiềm năng và rộng lớn của châu Á. Xét về phương diện quân sự, từ sau cuộc chiến tranh Đại liên minh (1688-1697) (23), người Anh có xu hướng bị ám ảnh bởi sự bành trướng và lấn át của hoàng đế Pháp Louis XIV ở châu Âu. Vì lý do này, họ luôn muốn chủ động ngăn chặn bước tiến của quân đội Pháp và không ngừng mở rộng tầm ảnh hưởng của mình trong 100 năm sau đó. Nhờ vào thắng lợi của cuộc Chiến tranh 7 năm trước Pháp (1756-1763), Anh đã củng cố vững chắc hệ thống thuộc địa của mình ở Ấn Độ và Bắc Mỹ, qua đó, chính thức trở thành cường quốc thực dân hàng đầu thế giới. Đến thế kỷ XIX, quân đội Anh đã kiểm soát hầu hết các quốc gia nằm trên tuyến hàng hải huyết mạch từ Âu sang Á, từ Đông sang Tây. Ngoài các trụ sở đại diện thương mại ở Hương Cảng - Hồng Kông (1842) và Quảng Châu (1845), đế quốc này còn xây dựng cả một “vành đai thuộc địa” trải dài từ eo biển Malacca đến tận Canada và toàn bộ phần lãnh thổ Ấn Độ. Mặc dù sở hữu vùng lãnh thổ rộng lớn như vậy nhưng đế quốc Anh vẫn còn “bỏ ngõ” vùng đất Côn Đảo.

Với tiềm lực quân sự của mình, người Anh ngày càng nôn nóng muốn chiếm Côn Đảo do lo sợ Pháp sẽ giành trước vùng đất này để bù đắp phần thiệt hại của họ tại Ấn Độ. Hơn thế nữa, từ năm 1702, Công ty Đông Ấn Anh đã từng đổ bộ lên Côn Đảo nhưng rút cuộc người Anh vẫn phải tháo chạy khỏi đây do cuộc nổi dậy của những binh lính được đưa đến đảo để dựng pháo đài. Vì lý do này, nếu không nhanh chóng tái chiếm Côn Đảo hoặc để mất Côn Đảo

vào tay Pháp thì thanh danh của đế quốc Anh sẽ bị tổn hại không ít. Đây là động cơ chủ yếu thôi thúc chính quyền nước này phải “quan tâm” nhiều hơn đến Côn Đảo, qua đó, thể hiện sức mạnh quân sự và vai trò chính trị không thể thay thế của cường quốc thực dân số 1 thế giới.

Đối với nước Pháp

Về thương mại, trước sự lấn át của Anh trong hoạt động giao thương quốc tế, Pháp chẳng những không nao núng mà còn muốn nhanh chóng giành lại thế cân bằng dựa vào việc chiếm đóng các quần đảo then chốt trên tuyến đường hàng hải Đông - Tây. Nhu cầu xây dựng một chi điểm hoặc một kho chứa hàng ở trên đảo của người Pháp cũng bắt đầu từ đây. Với sự nhạy bén của mình, Công ty Đông Ấn Pháp đã xác định Côn Đảo là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn vì “nơi đây nằm ở cửa ngõ eo biển Malacca nên có thể tiến hành buôn bán quy mô lớn trong khắp vùng, điều này sẽ có lợi cho công ty của Pháp và gây thiệt hại cho các công ty của Anh và Hà Lan” (24). Quan trọng hơn, Côn Đảo còn được coi như “điểm chốt” trong hoạt động thương mại nhằm khống chế con đường hàng hải từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương, đảm bảo khai thác và tích lũy tư bản để làm giàu cho Pháp. Theo như phân tích của giám mục Pigneau de Bé haine (Bá Đa Lộc) trong cuộc gặp gỡ với hoàng đế Pháp Louis XVI (1787) thì: Quốc gia nào lập được căn cứ quân sự ở đây (bao gồm khu vực Đàng Trong và Côn Đảo) sẽ có được lợi điểm tuyệt đối là ngăn chặn hoàn toàn các nước khác, và trong thời chiến sẽ trở thành bá chủ của tất cả các nền thương mại từ Trung Quốc đến các đảo lân cận (25).

Trên bình diện quân sự, nhu cầu chiếm đóng Côn Đảo để thiết lập các cứ điểm cho quân đội Pháp trở nên cấp thiết hơn bao

giờ hết. Sự khẩn trương này chủ yếu bắt nguồn từ việc Pháp đang phải gánh chịu sức ép và có phần bị lấn át trước sự bành trướng ảnh hưởng của Anh tại khu vực Viễn Đông. Sau khi thất bại trước Anh trong cuộc chiến tranh 7 năm (1756-1763), Pháp nhận ra “lỗ hổng” lớn nhất trong hệ thống quân sự của mình là thiếu mất một căn cứ then chốt để làm điểm tựa và tổ chức phòng thủ khi cần. Chính vì thế, ngay sau khi phát hiện ra Côn Đảo, Protails Leroux - thương nhân người Pháp đã đệ trình lên Tổng Thanh tra của Bộ Tài chính nước này một bản báo cáo về địa thế chiến lược của hòn đảo, trong đó quả quyết: Nếu người Pháp sở hữu khu vực này từ trước thì Công ty Đông Ấn Pháp đã không bị người Anh chiếm mất tàu ở Trung Quốc và Manille trong cuộc “Chiến tranh 7 năm” (26). Kể cả khi cuộc chiến với nước Anh đã lùi xa, vua Louis XVI vẫn liên tục nhận được các báo cáo của Công ty Đông Ấn Pháp gửi về từ phương Đông với lời nhấn nhủ: “Nếu sớm chiếm được vùng này (Côn Đảo) thì khi xảy ra chiến tranh, người Pháp sẽ là chúa tể. Còn nếu như người Anh chiếm được nó thì chúng ta sẽ bị phụ thuộc vào họ trên khắp vùng ven biển châu Á” (27).

Bước sang thế kỷ XIX, đặc biệt là từ sau cuộc Chiến tranh nha phiến, nhu cầu tìm kiếm một căn cứ quân sự để neo đậu tàu, tập trung hải đội và kiểm soát tuyến đường biển đi qua Đông Nam Á đã cấp bách đến nỗi Bộ trưởng Ngoại giao Pháp - Francois Guizot phải ra thông cáo (1844) với nội dung: “Nước Pháp chưa có bất cứ một điểm tựa nào trong vùng cho tàu thuyền neo đậu thường trực nơi đây có thể được tiếp tế lương thực, sửa chữa rò thủng và đưa lên bộ những kẻ đau yếu. Đây là một sự thật không thể nào chấp nhận được” (28). Dù luôn bị thôi thúc bởi nhu cầu chiếm đóng

một căn cứ quân sự ở vị trí đắc địa nhưng với bản chất của một đế quốc cho vay nặng lãi, Pháp chỉ muốn bỏ ra khoản chi phí thấp nhất để đạt được mục đích của mình. Trong điều kiện như vậy, quốc gia này quả thật không thể tìm kiếm được vị trí nào tốt hơn Côn Đảo bởi việc dựng lên một cứ điểm tại đây cũng “chỉ cần từ 50 đến 60 ngàn rubi cùng với một chiếc tàu với khoảng 100 lính” (29). Với những toan tính kỹ lưỡng về lợi ích kinh tế và chính trị, nước Pháp đã không ngại đụng đầu với Anh trong cuộc cạnh tranh giành lấy Côn Đảo kéo dài gần hai thế kỷ (1686-1862).

2.2. Cuộc cạnh tranh độc chiếm Côn Đảo của các nước phương Tây

Công cuộc đánh chiếm Côn Đảo của Anh và Pháp

Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI, nhiều đoàn du hành của các nước châu Âu đã ghé thăm Côn Đảo sau sự kiện Marco Polo bị đắm thuyền và trôi dạt vào khu vực này. Cuối thế kỷ XVII, trong quá trình tiếp xúc thương mại với hai xứ Đàng Trong và Đàng Ngoài, Công ty Đông Ấn của Anh và Công ty Đông Ấn của Pháp đã chủ động cử người đi điều tra, dò xét địa hình Côn Đảo với ý đồ xâm chiếm hòn đảo này. Để mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên tuyến đường hàng hải Đông - Tây, kế hoạch xây dựng thương điểm và căn cứ quân sự tại Côn Đảo bước đầu đã được các nước phương Tây xúc tiến bằng việc vẽ bản đồ các vịnh ở phía Tây.

Dù sớm có mặt ở Côn Đảo từ năm 1686 nhưng Pháp vẫn chậm chân sau Anh trong việc chiếm đóng vị trí then chốt này. Năm 1702, công ty Đông Ấn Anh đổ bộ lên Côn Đảo, triển khai xây dựng cột cờ và pháo đài để khẳng định chủ quyền. Sự kiện này được ghi lại trong khá nhiều tài liệu quan trọng của nước Anh, cụ thể: Từ điển “Academic Dictionaries and Encyclopedias”

xác nhận vào tháng 6-1702, Công ty Đông Ấn Anh đã đến đặt căn cứ tại Côn Đảo (30); cuốn “Tableau de la Cochinchine” xuất bản năm 1862 của Cotembert và Rosny cũng khẳng định: “Năm 1702, người Anh đặt trên đảo chính của cụm đảo này một thương điểm” (31). Để sớm hoàn tất việc xây dựng các công trình quân sự ở Côn Đảo, Công ty Đông Ấn Anh đã mang theo 45 người châu Âu, từ 7 đến 8 lính da đen theo đạo Thiên Chúa và từ 15 đến 16 người Macassar (lính đánh thuê thuộc tỉnh Sulawesi, Indonesia) (32). Tuy nhiên, cuộc chiếm đóng trái phép này đã vấp phải sự chống đối từ phía người An Nam (33) - “chủ nhân thực sự” của hòn đảo. Thực tế, cuộc nổi dậy bất ngờ của những người Macassar chống lại chính quyền Anh tại Côn Đảo (1705) đã có sự xấp đặt và chỉ huy của nhà Nguyễn (34) nhằm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của xứ Đàng Trong (35). Bằng việc khéo léo cài người vào lực lượng quân Anh và kích động lính đánh thuê Macassar nổi dậy vì đau yếu và thiếu thốn, chúa Nguyễn buộc người Anh phải tháo chạy khỏi Côn Đảo sau khi kho hàng đầu tiên của họ bị phóng hỏa và hầu hết người châu Âu ở đây cũng đều bị tiêu diệt (36).

Dù thành công trong việc loại bỏ quân Anh ra khỏi Côn Đảo nhưng hơn 60 năm sau, chúa Nguyễn lại gặp khó khăn ở trong nước do cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn (1771). Với kết cục đại bại trước thủy quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh phải trốn chạy ra Côn Đảo và cầu viện Pháp để giành lại ngôi vị. Kết quả là, năm 1787, “Hiệp ước Versailles” được nhà Nguyễn ký kết với Bá tước De Mantmarin (đại diện cho vua Louis XVI của Pháp). Theo nội dung của Hiệp ước thì Nguyễn Ánh nhượng cho Pháp chủ quyền của biển Đà Nẵng và quần đảo Côn Lôn (tức Côn

Đảo) để đổi lấy 4 chiếc tàu chiến, 1200 lính bộ binh, 200 pháo thủ, 250 lính da đen châu Phi và đạn dược cho kế hoạch tiến đánh nhà Tây Sơn (37). Tuy nhiên, do chế độ phong kiến ở Pháp đã bị lật đổ trong cuộc cách mạng tư sản (1789) nên về pháp lý, Hiệp ước Versailles không có giá trị.

Từ sau khi bị đánh bật ra khỏi Côn Đảo, người Anh vẫn không chịu từ bỏ vùng đất chiến lược này. Trong các năm 1780 và 1793, chính quyền Anh vẫn cử người đến Côn Đảo thăm dò vì lo sợ quân Pháp đổ bộ lên đảo, nhất là sau khi Hiệp ước Versailles được ký kết. Tuy nhiên, do liên tục gặp nạn tại khu vực này nên tàu của Công ty Đông Ấn Anh đã không thể tiếp tục bám trụ và phải rời bỏ Côn Đảo. Nhân lúc Anh đang gặp khó khăn, Chính phủ Pháp cử tàu La Cybèle đến Đà Nẵng (1817) để chính thức thiết lập quan hệ thương mại; đồng thời nhắc lại nội dung của Hiệp ước Versailles. Đây được coi là bước đi quan trọng để nước Pháp hợp pháp hóa hành động xâm lược Việt Nam (1858), từ đó, khẳng định tính “pháp lý” về chủ quyền đối với cửa sông Hàn và Côn Đảo. Kết thúc cuộc tấn công Đà Nẵng và chiếm đóng Định Tường, Pháp lập tức đặt vấn đề đánh chiếm Côn Đảo do lo sợ quân Anh sẽ sớm quay trở lại. Tháng 11-1861, Bonard - Thủy sư Đô đốc Pháp hạ lệnh đổ bộ lên Côn Đảo, Trung úy hải quân Lespès Sebastien Nicolas Joachim ngay sau đó lập “Tuyên cáo chủ quyền”, chính thức hoàn thành mục tiêu chiếm đóng vị trí trọng yếu này.

Cuộc đánh chiếm Côn Đảo của Anh và Pháp cho thấy:

Thứ nhất, trong cuộc cạnh tranh độc chiếm Côn Đảo suốt hai thế kỷ, cả Anh và Pháp đều đã tranh thủ khá tốt mọi thời cơ để đi trước một bước so với đối thủ. Tuy nhiên trong quá trình này, thực dân Anh dù

đến sớm nhưng rút cuộc vẫn phải từ bỏ sớm địa bàn Côn Đảo do tâm lý chủ quan, kém may mắn và thiếu kiên nhẫn. Ngay sau khi đổ bộ lên đảo (1702), người Anh đã có tâm lý nóng vội và tự mãn khá sớm. Họ chỉ tập trung vào việc xây dựng pháo đài để “đơn phương” khẳng định chủ quyền mà không hề lưu tâm đến năng lực phản kháng của nhà Nguyễn. Hơn thế nữa, chính quyền Anh lại đưa lên đảo một số ít người châu Âu còn lại đa phần đều là lính đánh thuê Macassar - những người luôn bị nước Anh áp bức và sẵn có ý định nổi dậy từ trong tiềm thức. Sai lầm chủ quan này cộng với yếu tố khách quan (thời tiết không thuận lợi) đã khiến thực dân Anh trở thành “kẻ kém may mắn” nhất tại Côn Đảo. Trong các năm 1778, 1780 và 1793, Công ty Đông Ấn Anh và cả hải quân Anh đều liên tục đến rồi đi khỏi đảo chủ yếu do mưa bão hoặc hỏng thuyền. Mỗi khi gặp khó khăn, người Anh rất dễ nhụt chí và không đủ kiên nhẫn để giành lấy mục tiêu đến cùng. Vậy nên mới có sự việc Huân tước Macartney - đại sứ đặc biệt của vua Anh cùng đoàn thám hiểm đã hoảng sợ và vội vã rời khỏi Côn Đảo chỉ vì tai nạn đứt neo (5-1793) (38).

Thứ hai, Nhà Nguyễn đóng vai trò then chốt trong kết cục từ bỏ Côn Đảo của Anh và tái chiếm Côn Đảo Pháp. Sau khi bị đánh đuổi khỏi Côn Đảo bởi lính Macassar (1705), trong giai đoạn 1706-1707, thực dân Anh âm mưu lấy lại đảo nhưng không dám trú gần núi mà chỉ dựng phố ở gần bờ biển. Tuy nhiên, vào thời điểm này quân Anh bị chết rất nhiều, phần vì không hợp thủy thổ, phần bị quân của chúa Nguyễn (Đại Việt) giết gần hết nên cuối cùng vẫn phải rời khỏi nơi này (39). Trong khi đó, vì khó khăn trong việc đàn áp một cuộc khởi nghĩa nông dân ở trong nước, nhà Nguyễn lại ký Hiệp ước Versailles với Pháp. Đây là

việc làm “tiếp tay” cho quân Pháp tuyên bố chủ quyền sau này tại Côn Đảo.

Thứ ba, người Pháp đến sau người Anh nhưng lại “kiên nhẫn” và “nỗ lực” hơn nhiều trong việc thăm dò rồi độc chiếm Côn Đảo. Quá trình thăm dò, khảo sát, chiếm đóng rồi tái chiếm đóng Côn Đảo của Pháp đã diễn ra liên tục trong suốt hàng thế kỷ. Từ thế kỷ XVII, Công ty Đông Ấn Pháp bắt đầu nhòm ngó Côn Đảo với ý đồ muốn biến nơi này thành thương điểm và căn cứ quân sự của riêng mình. Trong giai đoạn 1765-1769, Pháp đánh chiếm Côn Đảo lần thứ nhất nhưng sau đó rút lui. Sau khi ký kết Hiệp ước Versailles với nhà Nguyễn (1787), Pháp đặt một cơ sở quan trọng để chiếm lại Côn Đảo lần thứ hai. Cùng với việc hoàn thành xâm lược miền Nam của Việt Nam, Pháp đã chính thức “hất cẳng” Anh và độc chiếm Côn Đảo dựa vào sức ép “pháp lý” với 2 văn kiện: Thủy sư đô đốc Pháp Louis Adolphe Bonard ký quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo (02-1862) và Pháp đốc thúc, tiến tới ký kết thành công Hiệp ước Nhâm Tuất (6-1862) với nhà Nguyễn với nội dung cắt ba tỉnh miền Đông và Côn Đảo cho Pháp (40). Đây là kết quả mà nước Pháp có được sau quá trình cạnh tranh với nước Anh và đấu tranh với nhà Nguyễn. Tất cả không nằm ngoài mục tiêu thâm thuố Côn Đảo để phục vụ cho những lợi ích kinh tế, chính trị chiến lược của các quốc gia phương Tây kể từ thế kỷ XIX.

Trong tầm nhìn chiến lược của các nhà buôn và nhà chính trị người Pháp, Côn Đảo có ý nghĩa sống còn trong việc giúp nước này khống chế tuyến đường hàng hải từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương; đồng thời đảm bảo độc quyền khai thác tư bản ở châu Á. Dù nhận thức ban đầu là vậy nhưng sau khi chính thức chiếm đóng

Côn Đảo (1861), nước Pháp đã thay đổi kế hoạch xây dựng nơi này trở thành thương điểm hoặc căn cứ quân sự do hạn chế về nguồn lực tài chính. Thực tế, trong buổi đầu chiếm đóng Việt Nam, Pháp gặp phải vô vàn khó khăn do phong trào đấu tranh của nhân dân thuộc địa diễn ra rầm rộ. Tình hình an ninh tại những vùng Pháp vừa chiếm đóng cũng bất ổn do nạn cờ bạc, rượu chè, cướp bóc và giết người. Trong bối cảnh đó, việc đàn áp, bắt bớ và giam giữ những kẻ phản loạn chống lại Pháp và chính sách bảo hộ của Pháp ở Việt Nam đã khiến cho hệ thống nhà tù ở đất liền bị quá tải. Để giải quyết khó khăn trước mắt, Pháp khẩn trương xây dựng một nhà tù quy mô lớn để củng cố sự thống trị của mình ở thuộc địa. Lúc bấy giờ, chính vị trí địa lý cách xa đất liền cộng với nguồn tài nguyên phong phú của Côn Đảo được người Pháp đánh giá là phù hợp nhất để lập ra nhà tù và áp dụng chế độ lao động khổ sai - sử dụng sức lao động của tù nhân để khai thác sản vật trên đảo, từ đó, làm giàu cho nước Pháp. Với nhận thức ấy, năm 1862, thống đốc Louis Adolphe Bonard ký quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo. Kể từ thời điểm đó đến tận năm 1954, Côn Đảo chính thức trở thành “địa ngục trần gian” của những người Việt Nam yêu nước và là nhà tù kiểu mẫu trong hệ thống nhà tù thực dân của Pháp ở Việt Nam và hải ngoại. Khi Mỹ thay thế Pháp hiện diện ở miền Nam Việt Nam, vị trí địa lý chiến lược của Côn Đảo vẫn được Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa trưng dụng vào mục đích giam giữ các chiến sĩ cách mạng người Việt. Côn Đảo, theo đó, tiếp tục trở thành nhà tù điển hình trong hệ thống nhà tù đế quốc của Mỹ ở miền Nam Việt Nam cho đến năm 1975.

3. Kết luận

Do sở hữu vị trí có ý nghĩa chiến lược lại hội tụ các yếu tố tự nhiên thuận lợi, Côn Đảo đã sớm rơi vào tầm ngắm của hai thế lực Anh, Pháp trong quá trình các nước này phát triển hoạt động ngoại thương và mở rộng phạm vi ảnh hưởng chính trị của họ ở vùng Trung Quốc, Ấn Độ. Việc giao lưu thương mại với cả Đàng Trong và Đàng Ngoài của Việt Nam từ cuối thế kỷ XVII đã tạo cơ hội cho các nước phương Tây bước đầu tiếp cận vùng đất giàu tiềm năng này với ý đồ thôn tính và độc chiếm. Trong lịch sử, hai nước Anh, Pháp đã thay phiên nhau đặt chân lên Côn Đảo và tạo ra một cuộc cạnh tranh không khoan nhượng suốt hai thế kỷ, khởi đầu từ cuộc khảo sát địa hình của người Pháp (1686), cuộc đổ bộ “bất hợp pháp” của người Anh (1702) và hàng loạt cuộc tái chiếm sau đó của cả hai nước.

Với riêng Pháp, tham vọng thiết lập một thương điểm ở Côn Đảo để kết nối buôn bán với Quảng Châu, Đàng Ngoài và kế hoạch xây dựng một cơ sở quân sự làm bàn đạp để thôn tính các nước Đông Nam Á đã không ít lần bị gián đoạn, thậm chí đổ vỡ do sự hiện diện của người Anh tại Côn Đảo. Mặc dù vậy, Pháp lại luôn nắm thế chủ động do sự bạc nhược, yếm thế của Công ty

Đông Ấn Anh cộng với sự “cầu viện” Pháp của nhà Nguyễn bằng Hiệp ước Versailles. Nhờ vị trí án ngữ tuyến đường thương mại đi qua eo biển Malacca, hòn đảo này luôn được nước Pháp đặt trong tiến trình lịch sử của mình như một nhân tố quyết định quan trọng đến sự thành bại của Pháp từ cuộc chiến 7 năm ở châu Âu đến công cuộc thôn tính Đông Dương ở châu Á.

Sau thời gian dài bị các nước ngoài lần lượt khai phá và chiếm đóng, từ năm 1975 Côn Đảo đã được giải phóng và trở thành một trong những hòn đảo tươi đẹp, giàu tiềm năng bậc nhất thế giới, đóng vai trò “lá chắn” bảo vệ những cảng biển quan trọng và các vùng trọng điểm kinh tế ở phía Nam của Việt Nam. Vị trí địa lý chiến lược của Côn Đảo giờ đây đang được chính quyền và nhân dân địa phương phát huy hiệu quả nhằm biến nơi này trở thành “vành đai du lịch biển đảo” - kết nối giữa vùng biển phía Đông của đất nước với khu vực vịnh Thái Lan. Với vị thế mới, Côn Đảo giờ đây đã không còn những trang sử buồn mà đã xứng đáng với vị trí “tiên tiêu” kinh tế - chính trị - quân sự trên tuyến đường hàng hải Á - Âu từ thế kỷ XVII và là địa bàn chiến lược thúc đẩy quá trình phát triển, hội nhập của Việt Nam trong thế kỷ XXI.

CHÚ THÍCH

(1), (3). Viện Địa lý - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý Toàn quốc lần thứ 5*, Hà Nội, 2010, tr. 1021-1022, 1022.

(2). Tran Duc Thanh (Editor), *Vietnamese Sea and Islands - Position Resources, and Typical Geological and Ecological Wonders*, Publishing house for Natural Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology, Ha Noi, 2012.

(4). Henry Yule, *The Book of Ser Marco Polo*, London, Murray, Volume 02, 1921, pp. 276-277.

(5), (14), (25). Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Hành, *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr. 20-21, 21, 23.

(6), (7). Ở Việt Nam (1627-1672), hai họ Trịnh, Nguyễn đánh nhau 7 lần mà không có kết quả nên phải ngừng chiến tranh, lấy sông Gianh làm giới tuyến phân định lãnh thổ: phía Bắc sông Gianh thuộc quyền vua Lê - chúa Trịnh gọi là Đàng Ngoài (có kinh đô là Đông Kinh nên người phương Tây gọi

là Tonquin hay Tonkin), phía Nam sông Gianh thuộc chúa Nguyễn gọi là Đàng Trong (Cochinchina).

(8), (11). Jean Paul Morel, *Relation Abrégée des Voyages Fraits Par Le Sieur Poivre de 1748 à 1757: Voyages de Pierre Poivre (1748-1757)*, 2010, p. 08.

(9), (13), (16). Sir Francis Drake and William Dampier, *A Voyage around the World*, Published by Li-quot Tea Company, London, 1879.

(10). Chân Lạp là nhà nước đầu tiên của người Khmer tồn tại trong giai đoạn từ khoảng năm 550 tới năm 802 trên phần phía Nam của bán đảo Đông Dương gồm cả Campuchia và một số tỉnh phía Nam của Việt Nam hiện nay.

(12). Charles B. Maybon, *Những người châu Âu ở nước An Nam* (Nguyễn Thừa Hỷ dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 106.

(15). Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, *Côn Đảo - 150 năm đấu tranh, xây dựng và phát triển (1862-2012)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 277.

(17). Lữ Huy Nguyên - Giang Tấn, *Đất thắng cảnh Vũng Tàu*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1987, tr. 24-25.

(18). Adolphe Dubois de Jancigny, *L'univers: Histoire et description de tous les peuples. Japon, Indo-Chine, Empire birman (ou Ava), Siam, Annam (ou Cochinchine)*, Published by Firmin Didot Freres, Paris, 1850, p. 555.

(19). Nguyen Duc Hiep, "The Wreck of the European in Paracel Islands", *Journal of Research and Development*, No. 04 (138), 2017, p. 103.

(20). Jean - Louis Taberd, "The Geography of Cochin China", *Journal of the Asiatic Society of Bengal*, published in Calcutta, Vol. 6, Part II, 1837, p. 745.

(21), (22). Bruce, *Annals of the Honorable East-India Company: From Their Establishment by the Charter of Queen Elizabeth, 1600, to the Union of the London and English East-India Companies, 1707-8*, Vol 03. London: Black, Parry, and Kingsbury, 1810, p. 580, 454.

(23). Đây là một cuộc chiến lớn cuối thế kỷ XVII giữa vua Louis XIV của Pháp với Đại liên minh gồm: vua William III của Anh - Hà Lan, Leopold I của Đế quốc La Mã, vua Carlos II của Tây Ban Nha, Victor Amadeus II của Savoy và các vị công tước của La Mã.

(24), (29). Charles B. Maybon, *Những người châu Âu ở nước An Nam* (Nguyễn Thừa Hỷ dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 107.

(25). Ch. Gosselin, *L'Empire d'Annam, Librairie académic Didier*, Paris, 1904, p. 36.

(26), (28). Nguyễn Thế Long, *Bang giao Đại Việt triều Nguyễn*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005, tr. 104.

(27). C.B.Maybon, *Những người châu Âu ở nước An Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2011. tr. 102.

(30). <https://enacademic.com/dic.nsf/enwiki/843571>, accessed on 17/3/2020.

(31). Cortambert E. & Rosny L, *Tableau de la Cochinchine*, Paris: Armand Le Chevalier, 1862, p. 06.

(32). Lockyer Ch, *An Account of the Trade in India*, London: Samuel Crouch, 1711, p. 78.

(33). *Annam is the old name of Vietnam, popular in the period from 679 to 1945. Vietnamese people were referred to as Annamites.*

(34). *Nguyen Dynasty was the last monarchy in Vietnamese history.*

(36). Colquhoun A.R., *Amongst the Shans*, New York: Scribner & Welford, 1885, pp. 353-354.

(37). Tạ Chí Đại Trường, *Lịch sử Nội Chiến Việt Nam 1771- 1802*, Nxb. Văn Sử Học Sài Gòn, 1973, tr. 182-183.

(38). J. C Demariaux, *Indochine Hebdomadaire Illustré*, No. 196, 1944, p. 197.

(39). Hồ Bạch Thảo, "Quân chúa Nguyễn bảo vệ biển đảo, xua đuổi người Âu Châu", Trang tin điện tử TRITHUCVN, <https://trithucvn.net/van-hoa/quan-chua-nguyen-bao-ve-bien-dao-xua-duoi-nguoi-au-chau.html>, truy cập ngày 15/3/2020.

(40). Mark W. McLeod, *The Vietnamese Response to French Intervention (1862-1874)*, The Green Wood Publishing Group, 1991, p. 54.